TOÀ ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ CAO LÃNH** **TỈNH ĐỒNG THÁP**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 102/2025/DS-ST
Ngày: 19/6/2025
"Về tranh chấp hợp đồng dân sự vay, cầm cố tài sản"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ CAO LÃNH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Bà Nguyễn Thị Phương Hồng

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Huỳnh Văn Kiều

Ông Lê Quang Thanh

- ***Thư ký phiên tòa:*** Bà Đỗ Thị Kim Khuyên – Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp.

Trong ngày 19/6/2025, tại trụ sở Toà án nhân dân thành phố Cao Lãnh, xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 267/2025/TLST-DS ngày 21/4/2025, về việc "*Tranh chấp về hợp đồng vay, cầm cố tài sản"* theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 386/2024/QĐXXST-DS ngày 12/5/2025, Quyết định hoãn phiên tòa số 173/2025/QĐST-DS ngày 30/5/2025 giữa các đương sự:

1/ Nguyên đơn: Công ty Cổ phần S;

Trụ sở chính: Số A, đường N, phường B, thành phố V, tỉnh Nghệ An.

Đại diện theo pháp luật: Ông K - Chức vụ: Giám đốc.

Đại diện theo ủy quyền bà Trần Thanh L, sinh năm 1990, là nhân viên của Công ty. *(Vắng mặt)*

Địa chỉ chi nhánh: Số B, Đường 30/4, Phường 1, thành phố Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp.

2/ Bị đơn: Bà Lê Thị B, sinh năm 1975; *(Vắng mặt)*

Địa chỉ: Tổ B, khóm M, Phường 3, thành phố Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Theo đơn khởi kiện, bản tự khai, nguyên đơn Công ty Cổ phần S, ủy quyền cho bà Trần Thanh L trình bày:

Công ty TNHH S có đăng ký hoạt động cầm cố tài sản (sau đây gọi tắt là "Công ty").

Hiện nay công ty đã đăng ký đổi tên là Công ty Cổ phần S vào ngày 26/9/2023 theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp công ty cổ phần, đăng ký thay đổi lần thứ 7, ngày 27/3/2024 và theo xác nhận chuyển đổi loại hình của doanh nghiệp số 127/ĐKKD ngày 23/5/2024 của Phòng đăng ký kinh doanh Sở kế hoạch và đầu tư tỉnh Nghệ An; Quyết định số 103/QĐ-HĐQT về việc chuyển nhượng vốn góp và chuyển đổi loại hình công ty

Ngày 26/08/2020, bà Lê Thị B có đến Chi nhánh Cao Lãnh của Công ty để ký hợp đồng cầm cố tài sản số CLM200801029NA20X.

Bà B ký hợp đồng cầm cố tài sản là: 01 (một) xe máy 2 bánh nhãn hiệu HONDA; Loại: WAVE Biển số xe: 66P2-233.21 Số khung: RLHJA3918LY207529 Số máy: JA39E1545407 Giấy chứng nhận đăng ký số: 123684 do Công an Tỉnh Đồng Tháp Cấp ngày: 22/08/2020; Số tiền cầm cố là: 14.700.000 đồng (Mười bốn triệu bảy trăm nghìn đồng); Thời hạn cầm cố: 12 tháng. Ngày giải ngân: 26/08/2020 Ngày thanh toán định kỳ: 26. Lãi suất cầm cố trong hạn 1.1%/ tháng Lãi suất quá hạn: bằng 150% lãi suất trong hạn. Phí thẩm định: 4% / tháng

Công ty đã giải ngân cho khách hàng số tiền là: 14.700.000 đồng vào ngày 26/8/2020.

Ngày 26/8/2020, bà B có đơn mượn lại chiếc xe để phục vụ đi lại, hiện nay Công ty CP Sawad Tiền Có Ngay không có quản lý chiếc xe.

Quá trình trả nợ, bà B không thanh toán tiền gốc và lãi cho Công ty theo hợp đồng.

Nay, Công ty yêu cầu bà Lê Thị B thanh toán số tiền còn thiếu tạm tính đến ngày xét xử 19/6/2025 tổng cộng: 27.921.670 đồng; trong đó: Tiền gốc: 14.700.000 đồng. Tiền lãi trong hạn: 1.967.350 đồng, tiền lãi quá hạn: 11.254.320 đồng.

Ngoài ra, bà Lê Thị B còn phải tiếp tục chịu lãi suất quá hạn theo hợp đồng cầm cố đã ký là 1,65% kể từ sau ngày xét xử cho đến khi thanh toán xong nợ.

Công ty xin rút lại một phần yêu cầu khởi kiện đối với các số tiền phí; chỉ yêu cầu bà Lê Thị B trả số tiền vốn gốc, lãi suất trong hạn, lãi suất quá hạn như trên; không yêu cầu Hội đồng xét xử giải quyết tài sản cầm cố là xe máy mà bà Lê Thị B đã cầm cố cho Công ty.

** Bị đơn bà Lê Thị B vắng mặt, đồng thời cũng không có văn bản trình bày nội dung giải quyết vụ án, tuy nhiên trong biên bản tống đạt văn bản tố tụng của Tòa án, bà B có ghi ý kiến xin được trả dần tiền nợ cho nguyên đơn.*

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ các tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên toà và kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] *Về tố tụng:* Căn cứ vào yêu cầu của nguyên đơn yêu cầu bị đơn trả lại số tiền vay theo hình thức cầm cố tài sản, Hội đồng xét xử xác định quan hệ pháp luật tranh chấp giữa các đương sự là *"tranh chấp về Hợp đồng vay, cầm cố*

tài sản" theo quy định tại khoản 3 Điều 26 Bộ luật tố tụng dân sự 2015, Điều Điều 309; Điều 463 Bộ luật Dân sự năm 2015. Bị đơn có địa chỉ tại thành phố Cao Lãnh, nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp theo quy định tại khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

Tòa án nhân dân thành phố Cao Lãnh đã tống đạt hợp lệ các văn bản tố tụng cho các đương sự, nhưng bị đơn bà Lê Thị B không có mặt tại phiên tòa, đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn có đơn xin vắng mặt. Do đó căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227 và khoản 1, 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt các đương sự.

[2] *Về nội dung:*

[2.1] Xét hợp đồng cầm cố: CLM200801029NA20X ký ngày 26/08/2020 giữa Công ty và bà Lê Thị B để bà B vay số tiền 14.700.000 đồng, được các bên xác lập trên cơ sở tự nguyện, không vi phạm điều cấm của pháp luật, nên đây là hợp đồng hợp pháp, phù hợp với quy định với Điều 309, Điều 463 Bộ luật Dân sự năm 2015.

Trong quá trình thực hiện hợp đồng, bà B không thực hiện trả tiền gốc, lãi cho Công ty là vi phạm nghĩa vụ theo Điều 311, Điều 466 Bộ luật Dân sự năm 2015. Do đó, Công ty khởi kiện yêu cầu bà B có nghĩa vụ trả số tiền vốn gốc còn thiếu 14.700.000 đồng là phù hợp nên chấp nhận.

[2.2] Về yêu cầu tính lãi, mức lãi suất trong hạn 1,1%/tháng; Lãi suất quá hạn bằng 150% lãi suất trong hạn là 1,65%/tháng, tính từ sau ngày kết thúc hợp đồng là ngày 27/8/2021. Cụ thể tạm tính đến ngày xét xử sơ thẩm 19/6/2025, tiền lãi trong hạn còn thiếu: 1.967.350 đồng, tiền lãi quá hạn: 11.254.320 đồng. Căn cứ Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015; khoản 6 Điều 29 Nghị định 96/2016/NĐ-CP ngày 01/7/2016 của Chính phủ và điểm a khoản 2 Điều 4 Nghị Quyết 01/2019/NQ-HĐTP ngày 01/10/2029 hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật về lãi, lãi suất, phạt vi phạm. Yêu cầu này của Công ty là phù hợp, nên bà B phải có nghĩa vụ trả số tiền lãi còn thiếu cho Công ty.

[2.3] Đối với bà B đã được triệu tập hợp lệ nhiều lần, nhưng bà B không có văn bản ý kiến, không đến Tòa để trình bày và yêu cầu về nội dung giải quyết việc vay tiền và cầm cố như thế nào, nên Hội đồng xét xử không có căn cứ xác định được số tiền bà B đã trả cụ thể và các nội dung khác, bà B chỉ xin được trả dần tiền nợ cho nguyên đơn. Do đó, Hội đồng xét xử căn cứ yêu cầu của nguyên đơn, quy định của pháp luật, buộc bà B trả tiền gốc và lãi tạm tính đến ngày xét xử theo yêu cầu của Công ty là: tiền vốn gốc: 14.700.000 đồng, tiền lãi trong hạn: 1.967.350 đồng, tiền lãi quá hạn: 11.254.320 đồng. Tổng cộng: 27.921.670 đồng. Bà B còn phải tiếp tục chịu lãi suất quá hạn là 1,65%/tháng, kể từ ngày 20/6/2025 cho đến khi thanh toán xong nợ.

[2.4] Đối với yêu cầu của Công ty xin rút lại một phần yêu cầu khởi kiện đối với số tiền phí thẩm định tài sản. Hội đồng xét xử xét thấy, việc rút một phần yêu cầu của Công ty là tự nguyện, phù hợp với quy định của pháp luật nên chấp

nhận. Do đó, căn cứ Điều 244 Bộ luật tố tụng dân sự, đình chỉ việc giải quyết đối với yêu cầu bà B trả tiền phí thẩm định tài sản.

[2.5] Đối với việc xử lý tài sản cầm cố là chiếc xe máy, đã cho bị đơn mượn lại để sử dụng; người đại diện theo ủy quyền của Công ty trình bày Công ty không có yêu cầu, chỉ yêu cầu bà B trả số tiền còn thiếu như trên, nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[3] *Án phí:* Căn cứ khoản 1 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự và Khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Do bà B phải trả cho Công ty số tiền 27.921.670 đồng nên phải chịu 1.396.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm.

Công ty không phải chịu án phí.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ vào khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 1 Điều 147, điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 1, 3 Điều 228, Điều 244, Điều 267 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 309, 311, 463, 466, 468 Bộ luật Dân sự năm 2015; khoản 6 Điều 29 Nghị định 96/2016/NĐ-CP ngày 01/7/2016 của Chính phủ; Điều 4, điểm a Khoản 1 Điều 13 Nghị quyết 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao *"hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật về lãi, lãi suất, phạt vi phạm";* Khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1/ Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Công ty Cổ phần S về việc yêu cầu bà Lê Thị B trả tiền vốn gốc, lãi suất trong hạn, lãi suất quá hạn.

2/ Đình chỉ một phần yêu cầu khởi kiện của Công ty Cổ phần S về việc yêu cầu bà Lê Thị B trả tiền phí thẩm định tài sản.

3/ Buộc bà Lê Thị B trả cho Công ty Cổ phần S số tiền tổng cộng tiền 27.921.670 đồng (trong đó, tiền vốn gốc là 14.700.000 đồng, tiền lãi trong hạn: 1.967.350 đồng, tiền lãi quá hạn: 11.254.320 đồng).

Bà Lê Thị B còn phải tiếp tục chịu lãi suất quá hạn theo Hợp đồng cầm cố đã ký là 1,65%/tháng, kể từ ngày 20/6/2025 cho đến khi thanh toán xong số tiền còn thiếu.

4/ Về xử lý tài sản cầm cố, cho mượn: Không xem xét giải quyết do không có yêu cầu.

5/ Về án phí: bà Lê Thị B phải chịu 1.396.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm.

Công ty Cổ phần S không phải chịu án phí sơ thẩm, được nhận lại tiền tạm ứng án phí đã nộp là 1.368.000 đồng theo biên lai thu số 0003431 ngày 17/4/2025 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp.

Đương sự có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- VKSND TPCL;
- Đương sự;
- Tòa án Tỉnh;
- Chi cục THADS TPCL;
- Lưu hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Nguyễn Thị Phương Hồng